

Ý HƯỚNG TÍNH TRONG HIỆN TƯỢNG HỌC CỦA E.HUXÉC

NGUYỄN TRỌNG NGHĨA (*)

Tóm tắt: Ý hướng tính là một khái niệm trung tâm trong hiện tượng học của E.Huxéc. Ông quan niệm rằng, ý thức hướng tính là một “dòng chảy liên tục”, chất liệu của nó là những tri giác sơ khai; rằng, ý hướng tính là bản chất của ý thức, là sự cấu thành của ý thức siêu nghiệm. Với học thuyết về ý hướng tính, Huxéc đã tiếp cận đến cách nhìn về sự không tách rời giữa chủ thể và khách thể, giữa ý thức và đối tượng; coi thế giới như một hệ thống không thể phân chia, trong đó chủ thể là một phần tử cấu thành; phản đối sự chia cắt giữa cái tôi và thế giới, giữa chủ thể quan sát với đối tượng quan sát. Tuy nhiên, học thuyết của Huxéc vẫn còn những hạn chế và điều này đưa ông đến quan điểm duy tâm khi khẳng định bản chất của thế giới tùy thuộc vào chủ thể và thế giới chỉ có ý nghĩa như một thực tại hiện hữu khi nó là sản phẩm ý hướng của chủ thể tiên nghiệm.

Hiện tượng học ra đời ở châu Âu, trước hết là ở Đức, sau đó ở Pháp, từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, rồi tiếp tục kéo dài dưới nhiều biến thể gây ra một ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài nhất trong thế giới phương Tây hiện đại. Cùng với triết học hiện sinh, hiện tượng học tạo nên khuynh hướng mới trong triết học, vượt qua triết học cổ điển thế kỷ XIX, đoạn tuyệt với phương pháp triết học của thế kỷ trước và mở ra một phương pháp mới trong triết học phương Tây thế kỷ XX. Người khai sinh ra hiện tượng học là Etman Huxéc (1859-1939). Không bao lâu, với Huxéc, hiện tượng học đã chiếm một vị trí đáng nể, thoát tiên là ở Đức, rồi sau lan ra nhiều nơi trên thế giới. Huxéc bắt đầu sự nghiệp của mình bằng những nghiên cứu về toán học và lôgic học, nhưng sau đó chuyển dần sang xây dựng một phương pháp nhằm thực hiện nguyện vọng làm cho triết học trở thành “khoa học đệ nhất”. Trong đó phải kể đến lý thuyết về nhận thức, mà một khám phá quan trọng nhất ở lĩnh vực này là *ý hướng tính* hoặc *tính ý hướng* (Intentionality, Intentionalität).

* *

*

Ý hướng tính là một khái niệm trung tâm trong hiện tượng học của E.Huxéc.

Mọi nghiên cứu triết học của Huxéc đều tập hợp xung quanh khái niệm này.

Từ nguyên của ý hướng tính là *Intentio*, một từ Latinh có nguồn gốc ở triết học kinh viện. Năm 1874, Ph.Brentano (1838-1917), một nhà triết học người Áo, đã khôi phục và đưa vào triết học khái niệm này như hiện tượng trí năng chứa đựng, hướng tới một đối tượng. Theo Brentano, ý hướng tính được coi là một từ chuyên môn phân biệt hiện tượng tâm lý với hiện tượng vật lý, dùng để chỉ nét tiêu biểu của trạng thái ý hướng của tâm lý. Quan niệm này có thể khái quát: niềm tin, ước vọng, mong muốn... của con người bao giờ cũng là niềm tin, ước vọng, mong muốn về một cái gì.

Chịu ảnh hưởng bởi Brentano, trong công trình *Về khái niệm con số* (1887), Huxéc đã sử dụng khái niệm “ý hướng”. Nhưng phải đến *Những nghiên cứu lôgic* (1900-1901), nhất là trong phần 5 và 6 của tác phẩm này, ông mới thực sự khởi đầu cho sự phát triển vấn đề và mở ra phạm vi nghiên cứu mới về ý hướng tính. Trong quá trình khảo cứu, Huxéc đã đưa ra nhiều định nghĩa ý thức, trong số đó đáng lưu tâm nhất là định nghĩa ý thức là sự kiện ý hướng, mà nhiều người cho rằng,

(*) Thạc sĩ triết học, Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương.

chỉ với định nghĩa này mới tìm ra vấn đề cốt yếu nhất của ý hướng tính.

Thực ra, lý thuyết về ý hướng tính và các vấn đề chính yếu của hiện tượng học đã chứa đựng một cách căn bản trong *Triết học về toán học* (1891). Mặc dù tác phẩm có phần thiên về xu hướng tâm lý cùng với việc thừa hưởng quan niệm của Brentano, song có thể nói, Huxéc đã thực hiện một cách chắc chắn sự phân tích có hiệu quả về ý hướng tính. Ý hướng tính mang lôgic tâm lý nhiều hơn, nhưng từ tác phẩm đầu tay này, người ta tìm được quá khứ của sự hình thành và phát triển hiện tượng học. Những nỗ lực của Huxéc không chỉ ở sự phát hiện ra lý thuyết về ý hướng tính mà sâu sắc hơn, chính là ở sự tỏ rõ bản tính tự nhiên của vấn đề này trong những phân tích lôgic của tư duy.

Tâm lý học kinh nghiệm của Brentano thể hiện trong *Tâm lý học với quan điểm của chủ nghĩa kinh nghiệm* đã xem đối tượng ý hướng tính đồng nhất với đối tượng thực tại bên ngoài, mà ở một hình thức khái quát hơn, ta thấy tư tưởng đó xuất hiện ở Đêcátô (1596-1650): Ego cogito cogitatum (Tôi tư duy cái tôi tư duy).

Trong lý thuyết về nhận thức (*Những nghiên cứu lôgic*), Huxéc cho rằng, đối tượng thực tại khác với đối tượng hiện tượng học. Với quan niệm này, Huxéc cho rằng, cái mà hiện tượng học quan tâm không phải là đối tượng ý hướng tính và sự không hiện hữu tinh thần của nó, mà là ý hướng tính ý thức với tư cách một nhất thể tính, không phải là bản thân đối tượng, mà là tính khách quan của đối tượng ấy: hiện tượng như là nó xuất hiện trước Tôi(1).

Như vậy, có thể nói, Huxéc cũng bắt đầu từ chính chỗ mà Đêcátô bắt đầu: *cái Tôi tư duy*. Nhưng triết học của ông không dựa trên cogito kiểu của Đêcátô. Cogito mà ông phân tích, nói như Bécgiơ (sinh năm 1929) - nhà xã hội học và triết học Mỹ, không phải là thứ cogito suông, trong đó vẫn tồn tại niềm tin và sự hiện hữu của

bản thể tinh thần như ta thấy ở Đêcátô, mà dựa trên "Ego cogito cogitatum qua cogitatum". Huxéc gắn ego với cogito và với cogitatum, nên cogito của ông là ý thức chứ không phải là tư duy, vì nó gắn liền với cái mà tôi ý thức, tức là ý thức luôn gắn liền với đối tượng. Do vậy, cogito cogitatum qua cogitatum là đồng nhất với hiện tượng. Cũng cần nói thêm rằng, theo Huxéc, trong ý thức thì sự vật tác động trở thành đối tượng trước Tôi, đối tượng siêu việt (transcendant), nhưng do bản tính của ý thức là ý hướng tính, nên trong ý hướng tính ý thức có cái bản ngã, có cái tôi và cái trái ngược với nó, có cái được gọi là hiện tượng.

Theo Huxéc, ý thức ý hướng tính là một "dòng chảy liên tục"; chất liệu của nó là những tri giác sơ khai. Sự vật biệt lập của tri giác là các phần của dòng ý thức, xuất hiện bằng cách ý hướng về chúng và bởi trực giác về cái nhận thức. Do vậy, không thể tách thời gian cấu thành và cái được nhận thức cấu thành trong thời gian. Dòng chảy ý thức cấu thành thời gian và tính khách quan trong thời gian. Nói cách khác, nó cấu thành thời gian ý hướng và đối tượng ý hướng. ý thức siêu nghiệm tỏ rõ ý hướng tính như là sự cấu thành đó(2).

Vào năm 1907, trong những bài giảng *Ý tưởng về hiện tượng học*, Huxéc vẫn chưa có sự phát triển thêm nhiều về khái niệm ý hướng tính. Mặc dù, ông coi hiện tượng học là phương pháp và hành vi của ý thức. Vào năm 1913, trong *Những ý tưởng về một hiện tượng học thuần túy và triết học hiện tượng học*, Huxéc đã đưa ra một quan niệm về cấu trúc ý thức thuần túy với tư cách tính chủ quan siêu nghiệm, đồng thời coi sự giản lược hiện tượng học như là phương pháp duy nhất để đi đến sự cấu thành tính khách quan của đối tượng(3). Từ đó, ông

(1) Xem: Hubert Hohl. *Introduction à la phénoménologie de Edmund Husserl*. Sài Gòn, 1967, p. 31.

(2) Xem: Hubert Hohl. *Ibid.*, p.35.

(3) Xem: Edmund Husserl. *Idées directrices pour une phénoménologie*. Gallimard, 1963, § 76, pp. 242-246.

xác định ý hướng tính là bản chất của ý thức; là sự cấu thành của ý thức siêu nghiệm.

Sau này, Huxéc còn nói đến ý hướng tính của con người cụ thể. Theo ông, con người là chủ thể ý hướng, bản chất con người là ý hướng, và nói đúng hơn, là ý hướng tính nguyên thủy. Ý hướng tính nguyên thủy và thực tại tồn tại của con người có mối liên quan, bởi vô số các mối tương liên giữa con người và thế giới đã được tạo ra như những bức tranh hòa quyện vào nhau trong mối liên quan nguyên thủy, trong một ý hướng tính tiên nghiệm.

Với luận đề nổi tiếng "Mọi ý thức là ý thức về cái gì đó", Huxéc đã chỉ ra đặc trưng bản chất của ý hướng tính ý thức và khái quát lý luận về nhận thức như sau: Mọi tri giác là tri giác về cái tri giác, mọi kinh nghiệm là kinh nghiệm về trạng thái của những kinh nghiệm, mọi mong muốn là mong muốn về một mong muốn,... Đây hoàn toàn không phải là sự liên quan của những từ, mà theo Huxéc, là một mô tả hiện tượng học(4) và một trong những cái mới của đời sống tinh thần là tư duy nhắm vào và ý hướng(5). Nghĩa là, kinh nghiệm, nhận thức của chúng ta về sự vật bao gồm việc chúng ta dọi chiếu mình tới các đối tượng được nhắm tới; mọi đối tượng của ý thức của Tôi được Tôi nhắm vào, hướng tới, xây dựng, tạo thành, nghĩa là, có ý hướng của Tôi. Theo đó, cần phải hiểu ý thức luôn hướng tới một cái gì khác nó, "mở ra" cho cái khác ngay trong nó.

Ý hướng tính mà Huxéc đưa ra không đơn thuần là dữ kiện tâm lý mà ông thừa kế từ Brentano. Với Huxéc, ý hướng tính còn được hiểu là sự phát ra từ khả năng ngưng hãm (epoché) của chính nó: nhìn thấy một sự vật, đó không phải là bản sao thu nhỏ hình ảnh sự vật ấy trong tinh thần, mà là "sự nhắm" vào chính sự vật đó. Coi "sự nhắm vào" này là đặc trưng của ý hướng tính, trong *Triết học toán học* và những bài viết cùng thời gian đó cho đến tập đầu tiên của *Những nghiên cứu*

lôgic, Huxéc luôn coi ý hướng đơn thuần là "trực tiếp đến" một đối tượng đối diện với ý thức. Khi đối diện với ý thức, đối tượng đó không còn là nó nữa và ý thức của Tôi chính là cái hiện có ở sự đối diện ấy.

Theo Huxéc, vì ý thức là ý hướng tính, nên nó có khả năng thực hiện sự giản lược mà không đánh mất cái nó giản lược. Giản lược đặt ngoài phạm vi hiện hữu tự nhiên của đối tượng, biểu lộ đối tượng xem xét như là "sự nhắm vào" đối tượng ấy và đó là hiện tượng học. Giản lược là sự biến đổi một cách cơ bản tất cả những dữ kiện đối diện với ý thức thành những thể tính, thành những hiện tượng đối với ý thức ý hướng tính, là sự biểu lộ những đặc trưng bản chất của bản ngã (nền tảng căn bản và triệt để), là nguồn gốc của mọi ý nghĩa hay là tiềm năng cấu thành sự liên hệ ý hướng tính với đối tượng.

Như vậy, hiện tượng học nói tới một thế giới bên ngoài nhưng không còn là nó nữa, mà là một thế giới đã đi qua sự giản lược và do vậy, đã được bao hàm trong ý thức hay kết dệt với ý thức(6). Bởi ý thức không chỉ có cực bản ngã (noëse, chủ tri) ý hướng tính, mà còn có cả cực đối tượng (noëme, khách tri), nên với hiện tượng học, sự bao hàm này không có trong thực tại, mà chính là ý hướng tính ý thức. Sự bao hàm hay sự kết dệt với ý thức này còn là đặc trưng nổi bật của ý hướng tính, biểu lộ sự tương quan giữa ý thức với đối tượng của nó không phải như là sự tương quan giữa hai thực tại bên ngoài và độc lập. Chính vì thế mà hiện tượng học của Huxéc đã đi đến chỗ khẳng định sự bao hàm ấy là cái cho thấy thế giới bên ngoài đến với chủ tri không còn như thể chúng hiện hữu tự chúng, mà như thể chúng được "cấu thành" những ý nghĩa đối với ý thức ý

(4) Xem: Edmund Husserl. *Logische Untersuchungen*, t. II. Halle, 1901, p. 390.

(5) Xem: Edmund Husserl. *Ibid.*, p. 165.

(6) Xem: Lê Tôn Nghiêm. *Những vấn đề triết học hiện đại*. Nxb Ra khơi, Sài Gòn, 1971, tr. 119.

hướng, Cũng vì vậy mà ý nghĩa của thế giới được hiểu như ý nghĩa mà chủ tri ý thức ban tặng cho thế giới. Ý nghĩa ấy là một cái sống động và được xem xét như một tác động cấu thành, là cái buộc Tôi phải khám phá nó, nếu không nó sẽ không là ý nghĩa mà thế giới ban tặng cho Tôi(7).

Sự giản lược này, theo Huxéc, còn cho phép mô tả chính xác mối quan hệ hỗ tương giữa chủ thể và khách thể. Còn sự phân tích ý hướng tính là sự "khai mở ra" để chú giải những ý nghĩa về sự hiện hữu của đối tượng được cấu thành, bởi lẽ ý hướng tính là "sự nhắm vào", nhưng nó cũng là sự ban tặng ý nghĩa cho đối tượng.

Khởi đầu cho việc mô tả về ý hướng tính trong các tác phẩm của mình, Huxéc đã không xuất phát từ mối liên quan giữa hai sự kiện tâm lý hoặc giữa hai đối tượng mà từ đó, cái này có cùng ý nghĩa với cái khác. Ông xuất phát từ sự tương hỗ giữa tư duy và điều mà nó tư duy. Nét độc đáo về ý hướng tính được tạo nên bởi sự giống nhau của chúng theo thuyết liên tưởng và do vậy, sự giống nhau của ý hướng tính chẳng có chút gì của sự giống nhau giữa các đối tượng hiện thực.

Xuất phát từ quan niệm về tính siêu việt của đối tượng, Huxéc cho rằng, không có cái gọi là "nội dung bên trong" của ý thức. Cái đó, theo ông, chỉ là cách nói của nhà thực chứng. Khác hẳn nội dung tâm lý học hiện thực của hành vi, Huxéc coi đối tượng như là cái bên trong, như là "sự nhắm vào" và đối diện với ý thức. Đối tượng với tư cách "sự nhắm vào" có thể tồn tại tính khách quan trong nhiều hành vi ý hướng, và cũng có thể là cái đồng nhất với một trong những hành vi ấy. Theo Huxéc, hiện tượng học không thể đưa ra một định nghĩa có giá trị chỉ một lần, mà chỉ có thể mô tả đối tượng (mô tả hiện tượng học) theo mọi góc độ và hy vọng rằng, qua tính đa dạng và phong phú của sự mô tả, người ta có thể nắm được bản chất của đối tượng. Do vậy, không có ý hướng tính

trong một biểu tượng, mà chỉ có ý hướng tính về một đối tượng tồn tại.

Có thể nói, với học thuyết về ý hướng tính, Huxéc đã tiếp cận đến cách nhìn về sự không tách rời giữa chủ thể và khách thể, giữa ý thức và đối tượng. Với cách tiếp cận này, ông đã nhìn nhận thế giới như một hệ thống không thể phân chia, trong đó chủ thể là một phần tử cấu thành. Và, cũng do vậy, Huxéc đã phản đối sự chia cắt giữa cái Tôi và thế giới, giữa chủ thể quan sát với đối tượng quan sát. Thiết nghĩ, đây cũng có thể là một điều đáng được suy nghĩ.

Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp đó, chúng ta vẫn thấy trong học thuyết về ý hướng tính của Huxéc còn có những hạn chế nhất định. Những luận chứng của ông về ý thức lập thành ý nghĩa cho đối tượng đã buộc chúng ta phải nghĩ đến luận điểm của Béccoli: sự vật là phức hợp của những cảm giác, và một cách tương tự là tư tưởng của chủ nghĩa Canto mới về hành vi nhận thức như là sự kiến thiết đối tượng do sự sáng tạo tưởng tượng của chủ thể, chứ không phải là sự nắm bắt bản tính của đối tượng. Chính hạn chế này đã đưa Huxéc tới quan điểm duy tâm khi khẳng định bản chất của thế giới luôn tùy thuộc vào chủ thể tiên nghiệm; rằng, thế giới chỉ có ý nghĩa như một thực tại hiện hữu khi nó là sản phẩm ý hướng của chủ thể tiên nghiệm. Con đường tìm kiếm mối liên hệ qua lại phổ biến giữa chủ thể và khách thể từ những khám phá về ý hướng tính, cùng với nỗ lực xây dựng một hệ thống tiên nghiệm về mối quan hệ này đã cho thấy khát vọng của chủ nghĩa duy tâm muốn vươn tới một nền tảng cụ thể và hiện thực mà chỉ khi xuất phát từ lập trường của phép biện chứng duy vật, mới có thể tìm ra giải pháp hợp lý cho việc giải quyết các vấn đề do hiện tượng học nói chung, ý hướng tính nói riêng đặt ra. □

(7) Xem: Jean - François Lyotard. *La phénoménologie*. P.U.F, Paris, 1964, p. 32.